

Số: 16 /TB-BVNHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 172/2024 ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-BVNHN ngày 29/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương: Khai thác dịch vụ nhà ăn dinh dưỡng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1297/QĐ-BVNHN ngày 30/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc phê duyệt Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích khai thác dịch vụ nhà ăn dinh dưỡng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-BVNHN ngày 13/1/2026 của Giám đốc Bệnh Viện Nhi Hà Nội về việc Phê duyệt giá khởi điểm và bước giá để thực hiện đấu giá quyền khai thác dịch vụ nhà ăn dinh dưỡng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội;

Bệnh viện Nhi Hà Nội thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội. Địa chỉ: Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

2. Tài sản đấu giá: Quyền khai thác tài sản công là mặt bằng để khai thác dịch vụ Nhà ăn dinh dưỡng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội – Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích: 776,573 m²

3. Giá khởi điểm: 100.721.518 đ/01 tháng (Bằng chữ: Một trăm triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, năm trăm mười tám đồng trên 01 tháng) tương đương 2.719.480.986 đ/27 tháng (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng trên 27 tháng).

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác liên quan (nếu có))

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46 Điều 1 Luật số 37/2024/QH15), Điều 33 và Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 bao gồm các tiêu chí đánh giá, chấm điểm (Nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm), cụ thể:

+ Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố mới đủ điều kiện tiếp tục đánh giá tiêu chí chấm điểm. Trường hợp không đủ điều kiện thì đánh giá không đủ điều kiện và bị loại.

+ Tiêu chí chấm điểm: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ 02 tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- Tổ chức hành nghề đấu giá phải cung cấp Báo cáo số liệu vụ việc đấu giá tài sản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-23 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP). Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá không cung cấp sẽ không được đánh giá tiêu chí 1, tiêu chí 2 mục IV của bảng tiêu chí kèm theo.

- Tổ chức hành nghề đấu giá phải cung cấp đúng, đủ, trung thực bảng kê các cuộc đấu giá tài sản (bao gồm thông tin tên tài sản, tên người có tài sản, thời gian tổ chức

cuộc đấu giá, giá khởi điểm, giá trúng đấu giá, mức chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm của từng tài sản, mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng so với giá khởi điểm) cho các tiêu chí 3, tiêu chí 4 mục IV và tiêu chí 1 mục V của bảng tiêu chí kèm theo.

- Tổ chức hành nghề đấu giá có trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan trong trường hợp được Bệnh viện Nhi Hà Nội yêu cầu để xác minh. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá không cung cấp tài liệu hoặc kết quả xác minh cho thấy tổ chức hành nghề đấu giá kê khai không trung thực thì Bệnh viện Nhi Hà Nội không đánh giá, chấm điểm đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Nhận hồ sơ trực tiếp trong 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội.
Địa chỉ: Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

- Hình thức thông báo kết quả: Công khai tại Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn).

Lưu ý:

- Chỉ nhận hồ sơ nộp trực tiếp.
- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Giấy chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.
- Bệnh viện Nhi Hà Nội không hoàn trả hồ sơ với những tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Bệnh viện Nhi Hà Nội rất mong nhận được sự quan tâm của các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn);
- Cổng thông tin Bệnh viện Nhi Hà Nội;
- Lưu: VT, DDTC (04b).

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC: TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-BVNHN ngày 13 tháng 01 năm 2026)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0

1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	6,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0

	trong năm 2025 (loại trừ các trường hợp người mua không nộp tiền trúng đấu giá). <i>Tài sản cùng loại là tài sản thuộc cùng mục h, khoản 1, Điều 4, Luật Đấu giá tài sản: "Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công".</i> <i>(Tổ chức hành nghề đấu giá cung cấp bảng kê riêng chỉ bao gồm các tài sản cùng loại để đánh giá tiêu chí này).</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
1.1	Có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm dưới 40%	1,0
1.2	Có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 40% trở lên	3,0
2	Trong năm trước liền kề, đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó (Tổ chức hành nghề đấu giá cung cấp bản sao hợp đồng và bản sao biên bản đấu giá hoặc biên bản thanh lý hợp đồng kèm theo).	3,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố Hà Nội.	2,0
4	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	-
Tổng số điểm		100,0

Ghi chú:

1. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được đại diện hợp pháp của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ký tên, đóng dấu. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

2. Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tham gia phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh như sau:

- Hồ sơ năng lực, bảng kê trang thiết bị, hình ảnh chứng minh;
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải cung cấp đường link trang thông tin điện tử đang hoạt động;

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp tài liệu chứng minh là đơn vị có trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến có đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến do Bộ Tư pháp công bố hoặc cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến bằng trang đấu giá trực tuyến đủ điều kiện do Bộ Tư pháp công bố;

- Phương án tổ chức thực hiện cuộc đấu giá: Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng trình tự thực hiện và đề xuất các công việc thực hiện;

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp Báo cáo số liệu vụ việc đấu giá tài sản của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (Theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP) năm 2025;

- Bản sao/Bản chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực;

- Bản sao Thẻ đấu giá viên/Chứng chỉ hành nghề đấu giá;

- Tài liệu chứng minh tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã nộp đầy đủ thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước (nếu có);

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

